TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày 19 – 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương– Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST –HS ngày 21/01/2025 đối với bị cáo:

1.Nguyễn Điện T, sinh năm 1990**,** tại tỉnh Tây Ninh;

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Lê Thị L, sinh năm 1994 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2024 đến nay – Có mặt.

2.Bị hại:

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn I; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm: 1988; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Kênh T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1980; chức vụ: Quản lý kinh doanh (theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2024 của Giám đốc) - Có mặt.

Địa chỉ: T2, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Công ty cổ phần MTK Hữu T; đỉa chỉ: Khu công nghiệp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1974; địa chỉ: 31/30 U, Phường 25, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1980; chức vụ: Quản lý kinh doanh (theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2024 của Giám đốc) - Có mặt.

Địa chỉ: T2, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:*

+ Hộ kinh doanh Lê Ngọc A do anh Lê Thanh T (Thành viên hộ kinh doanh), sinh năm 1981 – Có đơn xin xét xử vắng mặt; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

+ Hộ kinh doanh Trần Thị Phương D, do bà Trần Thị Phương D là người đại diện hộ kinh doanh - Có đơn xin xét xử vắng mặt; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

+ Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc Đ do bà Lê Thị Vinh P, sinh năm 1971 (Thành viên hộ kinh doanh (Vợ ông Đ) - Có đơn xin xét xử vắng mặt; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉn Đắk Nông.

+ Hộ kinh doanh Trần Thị T;

Người đại diện hộ kinh doanh bà Trần Thị T - Có đơn xin xét xử vắng mặt; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

+ Chị Lê Thị L, sinh năm 1994 – Có mặt;

Địa chỉ: Số A, đường M, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

+ Ngân hàng A - Chi nhánh T.

Trụ sở: Số A, đường T, Phường 02, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Đạt T, chức vụ; Giám đốc; địa chỉ thường trú: Căn H, cư 91, Phường 03, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Điện T là nhân viên hợp đồng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn I theo Hợp đồng lao động số 01/HĐTV ngày 31/12/2022 và quyết định phân công công tác số 0112/QĐ ngày 31/12/2022 và Công ty cổ phần MTK Hữu T theo Quyết định phân công công tác số 0108/QĐ ngày 01/8/2023 và hợp đồng thử việc số 0225/HĐTV ngày 01/10/2023, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 09/2023, Nguyễn Điện T đã được người có thẩm quyền của các Công ty giao thực hiện nhiệm vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ là quản lý, giám sát bán hàng cho các Hộ kinh doanh (phân bón) và thu tiền từ các hộ kinh doanh (tên các hộ kinh doanh thường gọi là đại lý) tại địa bàn huyện Đ và

huyện M, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định của các Công ty thì quy trình thu tiền là " Khi khách hàng thanh T người thu tiền phải vào trang Wes cập nhật khách hàng thanh T và nộp vào tài khoản Công ty trong vòng 24 tiếng kể từ khi nhận tiền". Tuy nhiên, sau khi thu tiền từ các hộ kinh doanh bị cáo T không nộp về theo quy định mà chiếm đoạt số tiền thu được do T có trách nhiệm quản lý để tiêu xài cá nhân, cụ thể:

* Đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn I, Nguyễn Điện T thu số tiền 144.900.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm nghìn đồng*) của các hộ kinh doanh rồi chiếm đoạt gồm:

+ Hộ kinh doanh Lê Ngọc A (Đại lý A) tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (do ông Lê Thanh T, thành viên hộ là người quản lý kinh doanh), ngày 19/7/2023, đại lý A còn nợ 125.320.000 đồng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn I nên ngày 20/9/2023, Nguyễn Điện T đến đại lý để thu tiền đồng thời chiết khấu và làm tròn cho đại lý 14.420.000 đồng và nhận 110.900.000 đồng, sau khi nhận 110.900.000 đồng, T không nộp về Công ty, đồng thời báo với Công ty là đại lý chậm trả rồi chiếm đoạt số tiền 110.900.000 đồng.

+ Hộ kinh doanh Trần Thị Phương D (Đại lý D) tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (do bà Trần Thị Phương D là người đại diện), ngày 16/6/2023, Nguyễn Điện T đến thu 124.000.000 đồng, T nộp về Công ty 109.500.000 đồng và báo với Công ty là đại lý chậm trả rồi chiếm đoạt số tiền 14.500.000 đồng.

+ Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc Đ (Đại lý P) tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (do bà Lê Thị Vinh P là người quản lý kinh doanh), ngày 17/7/2023, Nguyễn Điện T thu 19.500.000 đồng, sau khi nhận tiền T không chuyển về Công ty theo quy định và bảo với Công ty là đại lý chậm trả rồi chiếm đoạt số tiền 19.500.000 đồng.

* Tại Công ty cổ phần MTK Hữu T, Nguyễn Điện T thu 216.800.000 đồng của các Hộ kinh doanh rồi chiếm đoạt số tiền 206.800.000 đồng, cụ thể:

+ Hộ kinh doanh Trần Thị Phương D (Đại lý D) tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Ngày 22/8/2023, Nguyễn Điện T thu 123.000.000 đồng. Sau đó, T báo với Công ty là đại lý chậm trả rồi chiếm đoạt số tiền 123.000.000 đồng.

+ Hộ kinh doanh Trần Thị T (Đại lý C) tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (do bà Trần Thị T là người đại diện), ngày 25/9/2023, Nguyễn Điện T thu số tiền 93.800.000 đồng. Sau đó, T chuyển về Công ty 10.000.000 đồng và báo với Công ty là đại lý chậm trả rồi chiếm đoạt 83.800.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Điện T đã chiếm đoạt của các Công ty là 351.700.000 đồng (*Ba trăm năm mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 01/CTr-VKS ngày 17/12/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Điện T về tội "Tham ô tài sản" theo điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Điện T về tội "Tham ô tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Nguyễn Điện T phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Điện T từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 21/9/2024.

Về phần bồi thường thiệt hại dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 BLDS đề nghị:

Chấp nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường và tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn I số tiền 6.850.000 đồng và Công ty cổ phần MTK Hữu T số tiền 27.404.650 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Điện T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho các Công ty là:

- Bị cáo Nguyễn Điện T có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại là 138.050.000 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn I.

Bị cáo Nguyễn Điện T có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại là 179.445.350 đồng cho Công ty cổ phần MTK Hữu T.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu tiêu huỷ sim số 0973.936.683, do không còn giá trị sử dụng.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Lưu theo hồ sơ vụ án 01 sổ đại lý của Công ty Trách nhiệm hữu hạn I, tên đại lý A làm tài liệu, chứng cứ.

Bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày tại phần tranh luận là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về phần dân sự: Yêu cầu bị cáo Nguyễn Điện T bồi thường số tiền còn lại cho các Công ty như đã trình bày tại phần bồi thường thiệt hại về dân sự như đã trình bày trên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh T, bà Trần Thị Phương D, bà Lê Thị Vinh P và bà Trần Thị T trình bày*: Các hộ kinh doanh đều thỏa thuận ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty Trách nhiệm hữu hạn I và Công ty cổ phần MTK Hữu T theo quy định của pháp luật, toàn bộ số tiền mua bán phân bón đã thanh T đầy đủ như T trình bày, việc T được giao nhiệm vụ, quản lý và chiếm đoạt luôn số tiền không nộp về các Công ty thì T phải chịu bồi thường lại cho các Công ty theo quy định, hiện nay các hộ kinh doanh đã thánh toán đầy đủ cho T, hiện T chiếm đoạt thì T chịu trách nhiệm, hiện tại các hộ kinh doanh không còn nợ nần gì các Công ty nên không có ý kiến gì.

- Chị Lê Thị L trình bày: Việc bị cáo T đồng ý dùng các tháng lương hiện chưa nhận tại các Công ty và chị đã dùng tài sản của mình là 10.000.000 đồng nộp khắc phục hậu quả bồi thường cho Công ty cổ phần MTK Hữu T là do bị cáo tác động, chị tự nguyện nên chị L không có ý kiến gì.

- Đối với Ngân hàng A - Chi nhánh T do ông Hà Đạt T gửi văn bản cho Tòa án trình bày: Quá trình điều tra Ngân hàng có nhận được Lệnh kê biên tài sản số 321/LKB –CSĐT ngày 11/11/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đối với tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 971264, đứng tên ông Trần Mạnh H chuyển nhượng cho Nguyễn Điện T theo hồ sơ số 007101 CN.020425, được xác

nhận của của cơ quan có thẩm quyền vào ngày 21/6/2024, thửa đất số 980, tờ bản đồ số 14, diện tích 117,5 m^2, đất tại khu P, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay lô đất này đã được T và vợ là bà L thế chấp vay vốn tại Ngân hàng AgriBank - Chi nhánh Trường Sơn. Tuy nhiên, khoản vay của bị cáo T và bà Loan đã quá hạn và chuyển thành nợ xấu, hiện nay Ngân hàng đang triển khai việc khởi kiện và trường hợp không trả nợ nha đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Do đó Ngân hàng yêu cầu HĐXX xem xét hủy bỏ Lệnh kê biên trên vì ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng là người nhận thế chấp tài sản.

Hoặc đề nghị HĐXX xem xét tuyên trong bản án thể hiện Ngân hàng AgriBank được quyền ưu tiên thanh T khi phát mãi tài sản đối với tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay gốc và lãi của Ngân hàng, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ, về vấn đề liên quan đến số tiền bị cáo chiếm đoạt thì hiện nay không còn liên quan. tính đến ngày mở phiên tòa không ai thay đổi lời khai, không yêu cầu gì thêm nên xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 292 BLTTHS, tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Điện T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: Nguyễn Điện T là nhân viên có ký hợp đồng và được phân công nhiệm vụ, quản lý cụ thể theo các hợp đồng lao động và quyết định phân công nhiệm vụ tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn I theo Hợp đồng lao động số 01/HĐTV ngày 31/12/2022 và quyết định phân công công tác số 0112/QĐ ngày 31/12/2022 và Công ty cổ phần MTK Hữu T theo Quyết định phân công công tác số 0108/QĐ ngày 01/8/2023 và hợp đồng thử việc số 0225/HĐTV ngày 01/10/2023 trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 09/2023, Nguyễn Điện T đã lợi dụng nhiệm vụ là quản lý, giám sát bán hàng và thu tiền từ các hộ kinh doanh trên địa bàn huyện Đ và huyện M, tỉnh Đắk Nông, bị cáo không nộp về các Công ty theo quy định mà chiếm đoạt tổng số tiền 351.700.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Bị cáo thực hiện cùng một loại hành vi giống nhau, liên tục trong

một thời gian, số tiền thu được có trách nhiệm quản lý từng lần chiếm đoạt là trên 2.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản", được quy định tại điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353 của Bộ Luật hình sự.

Điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. *Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các Công ty, tác động đến tài sản mà người phạm tội có trách nhiệm và trực tiếp quản lý trong việc thực hiện giao hàng và thu nợ từ các hộ kinh doanh mà Công ty đã ký hợp đồng. Bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt số tiền thu được của các Công ty Trách nhiệm hữu hạn I và Công ty cổ phần MTK Hữu T mà không nộp về cho các Công ty theo quy định. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, xâm phạm đến tài sản, hoạt động của Công ty, gây ảnh hưởng xấu đến trật trự, trị an, nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Điện T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi về hành vi phạm tội của mình, bị cáo T đã bồi thường một phần thiệt hại là 34.254.650 đồng/ tổng số tiền 351.700.000 đồng số tiền chiếm đoạt của các Công ty, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Từ phân tích trên HĐXX xét thấy căn cứ tính chất mức độ, tình tiết giảm nhẹ, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, mặt khác nhằm giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil về các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[8]. Về phần bồi thường thiệt hại dân sư: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 BLDS, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cần chấp nhận bị cáo T đã tự nguyện bồi thường và tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn I số tiền là 6.850.000 đồng (bằng hình thức trừ số tiền lương bị cáo chưa nhận) và Công ty cổ phần MTK Hữu T số tiền là 27.404.650 đồng (Trong đó 02 tháng lương bị cáo chưa nhận từ

Công ty và chị L vợ bị cáo nộp vào Công ty 10.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền đã bồi thường cho các Công ty là 34.254.650 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Điện T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn I là 138.050.000 đồng; bồi thường cho Công ty cổ phần MTK Hữu T số tiền còn lại là 179.445.350 đồng.

Áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ sim số 0973.936.683, do không còn giá trị sử dụng.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Lưu theo hồ sơ vụ án 01 số đại lý của Công ty Trách nhiệm hữu hạn I, tên đại lý A làm tài liệu, chứng cứ.

- Đối với Lệnh kê biên tài sản số 321/LKB –CSĐT ngày 11/11/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đối với tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 971264, đứng tên ông Trần Mạnh H chuyển nhượng cho Nguyễn Điện T theo hồ sơ số 007101 CN.0204xx, được xác nhận của của cơ quan có thẩm quyền vào ngày 21/6/2024, thửa đất số 980, tờ bản đồ số 14, diện tích 117,5 m2, đất tại khu phố N, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay lô đất này đã được T và vợ là bà L thế chấp vay vốn tại Ngân hàng A- Chi nhánh T, việc kê biên với lý do là giao cho Ngân hàng quản lý hợp pháp tài sản cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thế chấp tài sản để vay vốn ngân hàng là hợp pháp, tài sản này được đăng ký thế thấp theo các quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 319 và Điều 320 Bộ luật dân sự. Do đó khi được cơ quan có thẩm quyền thi hành án thì tài sản này được thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự và được thi hành theo thứ tự ưu tiên mà pháp luật quy định của người được thi hành án.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Điện T phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Điện T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 21/9/2024.

2. Về việc bồi thường thiệt hại dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 BLDS.

Chấp nhận bị cáo Nguyễn Điện T đã tự nguyện bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn I số tiền là 6.850.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) và Công ty cổ phần MTK Hữu T số tiền là 27.404.650 đồng (*Hai*

mươi bảy triệu bốn trăm linh bốn nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Tổng cộng số tiền đã bồi thường là 34.254.650 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Điện T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn I là 138.050.000 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*);

Buộc bị cáo Nguyễn Điện T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho Công ty cổ phần MTK Hữu T số tiền 179.445.350 đồng (*Một trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm năm mươi đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3**. Về xử lý vật chứng**: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: các Điều 317, Điều 318, Điều 319 và Điều 320 Bộ luật dân sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ sim số 0973.936.683, do không còn giá trị sử dụng.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Lưu theo hồ sơ vụ án 01 sổ đại lý của Công ty Trách nhiệm hữu hạn I, tên đại lý: Anh Quảng làm tài liệu, chứng cứ.

- Đối với Lệnh kê biên tài sản số 321/LKB-CSĐT ngày 11/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đối với thửa đất số 980, tờ bản đồ số 14, diện tích 117,5 m2, đất tại khu phố N, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận được T và vợ là bà L thế chấp vay vốn tại Ngân hàng A - Chi nhánh T, việc kê biên với lý do là giao cho Ngân hàng quản lý hợp pháp tài sản cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, khi được cơ quan có thẩm quyền thi hành án thì tài sản này được thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự và được thi hành theo thứ tự ưu tiên mà pháp luật quy định của người được thi hành án.

(Đặc điểm vật chứng đã giao theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Mil và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ ngày 25/12/2024).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Điện T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 15.872.267 đồng (*làm tròn 15.872.500 đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan của mình trong bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan trong bản án của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- CA huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
-NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(*Đã ký và đóng dấu*)

Hoàng Thị Thu Hà